

Để tỉnh Trà Vinh trở thành trung tâm kinh tế biển của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long

THẠCH PHƯỚC BÌNH*

Trà Vinh là tỉnh Duyên hải phía Đông Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), nằm giữa sông Tiền và sông Hậu với bờ biển dài 65km, có 01 khu kinh tế, 03 khu công nghiệp, 13 cụm công nghiệp và có nhiều di tích lịch sử - văn hóa, các điểm du lịch vùng sông nước, có thế mạnh để phát triển kinh tế biển và ven biển, phát triển công nghiệp năng lượng... Đó là những điều kiện thuận lợi đưa Trà Vinh trở thành trung tâm phát triển kinh tế biển, đồng thời là trung tâm năng lượng tái tạo của khu vực. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy, kinh tế biển của Tỉnh phát triển chưa đạt yêu cầu, chưa khai thác hết tiềm năng, nguồn lực sẵn có. Chính vì vậy, để phát huy tối đa nguồn lực, khai thác hết tiềm năng, xây dựng Tỉnh trở thành trung tâm kinh tế biển của Vùng đòi hỏi phải có những giải pháp toàn diện và hiệu quả.

TIỀM NĂNG, LỢI THẾ VÀ THỰC TRẠNG

Trà Vinh hiện có 01 khu kinh tế, 03 khu công nghiệp và 13 cụm công nghiệp; trong đó, có Khu Kinh tế Định An được quy hoạch là 01 trong 16 khu kinh tế ven biển của cả nước, là 01 trong 02 khu kinh tế ven biển của vùng ĐBSCL và được xác định là 01 trong 08 khu kinh tế ven biển ưu tiên đầu tư giai đoạn 2016-2020 của cả nước. Tỉnh đã được Trung ương đầu tư dự án xây dựng Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu xuyên qua địa phận tỉnh Trà Vinh thông với biển Đông, nối liền cảng Cái Cui (Cần Thơ), góp phần tạo thuận lợi giúp Trà Vinh trở thành đầu mối giao thương hàng hóa thông qua các tuyến, như: Quốc lộ 53, 54, 60 và Quốc lộ 1A và giao lưu quốc tế thông qua các tuyến đường biển. Đây chính là điều kiện, tiền đề rất thuận lợi cho phát triển cảng biển gắn liền với các tuyến vận tải biển, ven biển; phát triển logistics trong khu kinh tế Định An; phát triển đồng bộ hệ thống cảng, bến thủy nội địa gắn liền với các tuyến vận tải thủy quốc gia là cơ hội rất lớn để hàng hóa nông sản Trà Vinh tiếp cận với thị trường trong nước,

các nước tiểu vùng sông Mê Kông và các nước Cộng đồng kinh tế ASEAN.

Trà Vinh còn được biết là một tỉnh có nhiều di tích lịch sử - văn hóa được công nhận gắn liền với đời sống văn hóa, tinh thần của 03 dân tộc Kinh - Khmer - Hoa, nhiều điểm du lịch vùng sông nước, có thế mạnh để phát triển kinh tế biển và ven biển, phát triển công nghiệp năng lượng... Đây là điều kiện thuận lợi đưa Trà Vinh trở thành trung tâm phát triển kinh tế biển, đồng thời là Trung tâm năng lượng tái tạo của khu vực ĐBSCL.

Trong những năm qua, kinh tế của Tỉnh tiếp tục có bước phát triển khá, tốc độ tăng trưởng bình quân 12,04%/năm, riêng năm 2019, tăng trưởng GRDP đạt 14,85%; quy mô nền kinh tế của Tỉnh đạt 59.636 tỷ đồng, GRDP bình quân đầu người 59,09 triệu đồng/người/năm; hàng năm, tổng giá trị sản xuất các ngành nghề ven biển đóng góp 59,75% tổng giá trị sản xuất của Tỉnh, tăng trưởng ngành thủy sản bình quân giai đoạn 2016-2020 ước tăng 5,83% (cùng kỳ là 2,21%); bình quân 2 năm (2018-2019) tăng 12,43%; sản lượng nuôi trồng và đánh bắt bình quân hàng năm đạt 190.000 tấn; diện tích nuôi trồng được mở rộng, từ 42.600ha năm 2015 lên 50.754ha vào năm 2019 [3].

Tại các huyện ven biển (Trà Cú, thị xã Duyên Hải, Duyên Hải...) trong giai đoạn 2016-2019 đã thu hút 109 dự án đầu tư, số vốn 13.157,25 tỷ đồng và 377,92 triệu USD. Trong đó, thu hút đầu tư vào khu kinh tế 17 dự án đầu tư. Huy động nguồn lực, bố trí nguồn vốn ngân sách trong 3 năm (2018-2020) là 2.540,216 tỷ

* Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng đoàn chuyên trách, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Trà Vinh

đồng cho các huyện ven biển [3]. Văn hóa - xã hội có bước tiến bộ; an ninh chính trị khu vực ven biển được bảo đảm.

Bên cạnh đó, thực hiện chủ trương phát triển kinh tế biển ở ĐBSCL, Trà Vinh được Chính phủ chọn là tỉnh trọng điểm phát triển cả về thủy sản lẫn thể mạnh trong giao lưu quốc tế, phát triển cảng nước sâu với vai trò khu vực. Thực hiện chủ trương này, Trà Vinh đã được Trung ương đầu tư các công trình trọng điểm quốc gia phục vụ cho yêu cầu phát triển kinh tế biển cho khu vực ĐBSCL; trong đó, Trà Vinh đóng vai trò trung tâm. Cụ thể, Trà Vinh đã được Trung ương đầu tư xây dựng Trung tâm Nhiệt điện Duyên Hải (tổng nguồn vốn đầu tư 88.000 tỷ đồng, công suất thiết kế trên 4.400MW, hiện đã đi vào hoạt động. Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 1 và Duyên Hải 3, góp phần bảo đảm nguồn điện ổn định cho sinh hoạt và sản xuất, kinh doanh của khu vực và cả nước); Luồng cho tàu biển có trọng tải lớn vào sông Hậu - kênh Tắt (đưa vào khai thác từ tháng 1/2017 đáp ứng cho tàu biển có trọng tải 10.000 tấn đầy tải và 20.000 tấn giảm tải ra vào khu vực dễ dàng); Khu Kinh tế Định An (diện tích 39.020ha, giai đoạn 1 là 15.403ha, là khu kinh tế ven biển đa ngành, đa lĩnh vực, hiện có 47 dự án với tổng vốn đăng ký khoảng 154.740 tỷ đồng).

Đặc biệt, Trà Vinh là một trong hai địa phương tại khu vực ĐBSCL được Chính phủ chọn để thành lập khu kinh tế. Đó là Khu Kinh tế Định An tại địa bàn hai huyện Trà Cú, Duyên Hải và thị xã Duyên Hải. Đây là khu kinh tế ven biển tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực gồm công nghiệp - thương mại - dịch vụ - du lịch - đô thị và nông - lâm - ngư nghiệp. Trong đó, cảng Định An (đã được khởi công xây dựng vào tháng 7/2019 tại xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải), với quy mô 120ha, tổng vốn đầu tư 4.452 tỷ đồng với 3 bến cảng (bến số 1 hoàn thành năm 2020, bến số 2 và số 3 sẽ hoàn thành trong năm 2021), khi hoàn thành đây sẽ là cảng vận chuyển hàng hóa lớn nhất trong khu vực ĐBSCL, thuộc nhóm cảng biển số 6. Năng lực thông quan năm 2030 khoảng 3,6 đến 5,4 triệu tấn/năm và về lâu dài được quy hoạch là cảng tổng hợp, công ten nơ tiềm năng cho tàu biển trọng tải lớn làm hàng xuất - nhập khẩu trực tiếp cho vùng ĐBSCL.

Từ phân tích trên cho thấy, Trà Vinh có điều kiện thuận lợi về phát triển giao thông vận tải, vận chuyển hàng hóa, thương mại dịch vụ, du lịch và giao lưu văn hóa của tất cả các vùng miền trong nước và quốc tế. Đây là lợi thế, không tỉnh nào ở khu vực có được và cũng chính là những cơ hội cho Trà Vinh biến tiềm năng, lợi thế thành động lực giúp Tỉnh trở thành trung tâm vận chuyển hàng hóa khu vực ĐBSCL.

NHỮNG KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC ĐẶT RA

Bên cạnh những tiềm năng, lợi thế nêu trên, trong những năm qua, Tỉnh cũng đang gặp một số khó khăn, thách thức trong phát triển kinh tế - xã hội nói chung, kinh tế biển nói riêng, như:

(i) Phát triển kinh tế biển chưa đạt theo yêu cầu, chưa khai thác hết tiềm năng, nguồn lực sẵn có, thu hút nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp còn hạn chế.

(ii) Tái cơ cấu lại nông nghiệp nói chung, cơ cấu thủy sản chưa chuyển biến mạnh và chịu tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh; giá cả thiếu ổn định, đời sống của một bộ phận nhân dân còn gặp nhiều khó khăn.

(iii) Kết cấu hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ, nhất là hạ tầng giao thông, một số tuyến đê bao kết hợp giao thông ven biển và các quốc lộ chậm đầu tư, xúc tiến kêu gọi các thành phần kinh tế đầu tư hạ tầng khu kinh tế và các cụm công nghiệp ven biển còn ít, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển.

(iv) Triển khai thực hiện chủ trương phát triển kinh tế biển thành kinh tế mũi nhọn còn chậm, triển khai thực hiện các chính sách đầu tư, hỗ trợ còn hạn chế. Du lịch biển chậm phát triển, thiếu sự liên kết, chưa thu hút sự quan tâm của du khách; nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế biển còn hạn chế.

(v) Tái cơ cấu ngành thủy sản chuyển biến chậm, công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch thiếu chặt chẽ; tăng trưởng của các ngành nuôi trồng, đánh bắt thủy sản chưa cao, phát triển thiếu bền vững.

MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ, GIẢI PHÁP

Nhằm huy động tối đa các nguồn lực, gắn với liên kết vùng, thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển kinh tế biển, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế kinh tế biển của Tỉnh, để Trà Vinh trở thành trung tâm kinh tế biển của vùng ĐBSCL vào năm 2025, trong thời gian tới, cần tập trung làm tốt một số nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, cần tập trung huy động các nguồn lực, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển kinh tế biển; phát triển hệ thống cảng biển trở thành trung tâm giao thương của cả Vùng. Tập trung chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và xây dựng đồng bộ các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên quan đến biển theo hướng quản lý tổng hợp, phù hợp với hệ sinh thái biển, bảo đảm sự gắn kết hài hòa, đồng bộ giữa bảo tồn và phát triển các vùng đất liền, vùng ven bờ, vùng biển của tỉnh và các Tỉnh lân cận. Trong đó,

chú trọng hệ thống cảng biển, điện gió, điện khí, các đô thị ven biển, đô thị vệ tinh gắn với huy động các nguồn lực từ các thành phần kinh tế. Phát triển kinh tế biển gắn liền với đẩy mạnh nuôi trồng đánh bắt, sản xuất, chế biến thủy hải sản, du lịch biển. Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng khu kinh tế và các khu, cụm công nghiệp đô thị ven biển, công nghiệp năng lượng (điện mặt trời, điện gió) gắn với kinh tế hàng hải.

Thứ hai, tập trung phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ trong khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp. Tập trung huy động nguồn lực đầu tư phát triển Khu Kinh tế biển Định An theo quy hoạch. Đầu tư phát triển các tuyến giao thông trọng điểm để thông thương hàng hóa phục vụ phát triển kinh tế biển; tranh thủ Trung ương hỗ trợ đầu tư tuyến giao thông ven biển của Tỉnh nối liền với các tỉnh phía Đông ĐBSCL; đầu tư cảng biển nước sâu, cảng trung chuyển phục vụ cho việc xuất, nhập khẩu hàng hóa của Tỉnh và cả Vùng; sau năm 2022, hoàn thành đầu tư nâng cấp mở rộng đưa vào hoạt động bến Cảng Định An cho tàu có tải trọng từ 30.000 tấn đến 50.000 tấn.

Thứ ba, tiếp tục tăng cường liên kết hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với các tỉnh trong khu vực ĐBSCL, TP. Hồ Chí Minh; liên kết vùng Duyên hải phía Đông ĐBSCL (Bến Tre, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long). Nghiên cứu xây dựng cơ chế thông thoáng, đa dạng hóa các hình thức huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội, khuyến khích huy động sức dân trong hoạt động đầu tư trên một số lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, dịch vụ thương mại và du lịch. Xây dựng một số chuỗi cung ứng xuất khẩu điển hình của Tỉnh và tiểu vùng; tăng cường sự phối hợp liên kết với các tỉnh lân cận...

Tiếp tục thực hiện tốt xúc tiến đầu tư và phát triển doanh nghiệp; cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh nhằm khai thác tốt tiềm năng, lợi thế đầu tư vào khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp và kinh tế biển của Tỉnh. Đẩy mạnh phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh. Đào tạo lao động gắn với nhu cầu thị trường, nhu cầu của địa phương và người học. Chú trọng đào tạo và có chính sách thu hút lao động chất lượng cao, chuyên sâu ở các lĩnh vực quan trọng, mũi nhọn, như: nông nghiệp, thủy sản, kinh tế biển, công nghiệp chế



Khu Kinh tế Định An là một trong 8 khu kinh tế ven biển được ưu tiên đầu tư giai đoạn 2016-2020 của cả nước

biển, du lịch, y tế, giáo dục... Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị từ Tỉnh đến cơ sở đạt chuẩn và nâng cao trình độ; chú trọng đào tạo cán bộ trẻ dự nguồn bổ sung cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp góp phần phát triển kinh tế của Vùng.

Thứ tư, đẩy mạnh phát triển sản xuất thủy sản, chế biến thủy sản trở thành trung tâm của Vùng. Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng; cơ cấu lại nền kinh tế, ngành, địa phương và sản phẩm; tập trung tổ chức lại sản xuất phục vụ phát triển kinh tế biển, vùng ven biển; thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã khai thác trên biển, nhân rộng mô hình kinh tế trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã để có điều kiện hình thành vùng nguyên liệu tập trung sản xuất hàng hóa lớn.

Rà soát, bổ sung các dự án về nông nghiệp, thủy sản có thể đầu tư khai thác và nhân rộng phù hợp với quy hoạch để khai thác tiềm năng kinh tế biển trở thành kinh tế mũi nhọn của Tỉnh, như: nuôi tôm công nghệ cao, trồng rừng kết hợp với nuôi tôm sinh thái... Ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất, tạo giá trị gia tăng ngày càng cao, gắn công nghiệp chế biến với thị trường xuất khẩu.

Thứ năm, quan tâm mời gọi đầu tư phát triển công nghiệp chế biến thủy sản, sản xuất giống thủy sản. Trong đó, cần đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án Nhà máy Chế biến tôm xuất khẩu Thông Thuận Trà Vinh công suất dự kiến 4.500 tấn thành phẩm/năm; gắn kết chặt chẽ các cơ sở chế biến với vùng sản xuất nguyên liệu và cơ sở dịch vụ hậu cần trên địa bàn Tỉnh (các cảng cá, bến cá). Xây dựng cơ chế liên doanh, liên kết giữa nông, ngư dân sản xuất nguyên liệu với các nhà doanh nghiệp (trong và ngoài nước) trong chế biến thủy sản và phát triển nghề nuôi. Hoàn thiện hệ thống hạ tầng, hậu cần phục vụ phát triển nghề cá, như: Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cửa Cung Hầu, cửa Định An; Bến cá Định An, các Làng cá Định An, Mỹ Long, Đông Hải... chú trọng huy động các nguồn lực, xã hội hóa đầu tư phát triển và từng bước hiện đại hóa đội tàu khai thác đánh bắt hải sản xa bờ; đẩy mạnh công tác khuyến ngư, đào tạo nâng cao tay nghề cho ngư dân, gắn khai thác với bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ chủ quyền biển, đảo; khuyến khích

chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp trong ngư dân từ những nghề khai thác kém hiệu quả sang những nghề mới ứng dụng khoa học, công nghệ, để nâng cao hiệu quả khai thác; phục hồi một số nghề khai thác truyền thống không ảnh hưởng đến nguồn lợi thủy sản, vận động ngư dân xây dựng hình thức tổ chức sản xuất, thành lập các tổ, đội hợp tác khai thác và liên kết dịch vụ hậu cần nghề cá trên biển.

Thứ sáu, tập trung phát triển công nghiệp; chú trọng phát triển năng lượng sạch, công nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng thông minh, đổi mới sáng tạo và hiệu quả, trở thành điểm nhấn của Vùng. Tập trung kêu gọi đầu tư phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp nền tảng, công nghệ nguồn, thân thiện với môi trường. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã được Tỉnh cấp chủ trương đầu tư, các dự án đang triển khai trong lĩnh vực điện gió, điện khí.

Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu đối với các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản chủ lực trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong nuôi trồng, khai thác, bảo quản, chế biến hải sản. Khôi phục các cơ sở tiểu thủ công nghiệp và các làng nghề truyền thống ven biển; kêu gọi, đầu tư nâng cấp các chợ xã, thị trấn ven biển trên địa bàn Tỉnh.

Thứ bảy, tập trung phát triển kinh tế biển gắn liền với phát triển du lịch biển và du lịch sinh thái trở thành trung tâm của Vùng. Cần tập trung tập trung phát triển các khu, điểm du lịch trên địa bàn Tỉnh, trong đó chú trọng tổ chức lại các dịch vụ du lịch gắn với thể mạnh kinh tế biển và du lịch tâm linh, du lịch sinh thái rừng ngập mặn; gắn phát triển điện gió kết hợp với du lịch điện gió.

Nghiên cứu, đề xuất thu hút đầu tư các dự án khai thác tiềm năng du lịch biển và ven biển, khai thác các giá trị văn hóa về biển; các khu du lịch nghỉ dưỡng biển chất lượng cao, các dịch vụ du lịch homestay, khu du lịch sinh thái tại các vùng ven biển. Tăng cường khai thác, phát triển mô hình du lịch sinh thái miệt vườn

kết hợp du lịch với mô hình nuôi trồng thủy sản nước mặn, lợ trải nghiệm đời sống vùng sông nước nông thôn, cù lao, cồn; nhất là bãi biển Ba Động, Mỹ Long và các cồn nơi ven biển. Xây dựng phát triển, đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm, thương hiệu du lịch biển trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy các giá trị di sản văn hóa, lịch sử.

Thứ tám, tập trung phát triển kinh tế biển gắn liền với bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương về Chiến lược Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 120/NQ-CP, ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu; Chương trình hành động số 30-CTr/TU, ngày 26/12/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương. Tập trung chỉ đạo quản lý, chăm sóc, đầu tư, mở rộng các dự án trồng rừng ven biển; bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi các hệ sinh thái, bảo đảm tính toàn vẹn và mối quan hệ tự nhiên giữa các hệ sinh thái đất liền và biển; đầu tư xây dựng, củng cố lực lượng, trang thiết bị giám sát, cảnh báo tự động về chất lượng môi trường, ứng phó với sự cố môi trường; quản lý rác thải biển. Tăng cường công tác quản lý tổng hợp vùng ven biển của Tỉnh; xây dựng các lớp bản đồ phân vùng sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường vùng ven biển...□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tỉnh ủy Trà Vinh (2014). *Nghị quyết số 18-NQ/TU, ngày 26/11/2014 về tăng cường công tác quản lý tổng hợp vùng ven biển tỉnh Trà Vinh*
2. Tỉnh ủy Trà Vinh (2018). *Báo cáo số 306-BC/TU, ngày 16/5/2018 về kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 09/02/2007 về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*
3. Tỉnh ủy Trà Vinh (2020). *Kế hoạch số 170-KH/TU, ngày 06/5/2020 về phát huy các nguồn lực, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế thu hút đầu tư vào khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp, quyết tâm đưa tỉnh Trà Vinh trở thành trung tâm kinh tế biển của vùng Đồng bằng sông Cửu Long*
4. UBND tỉnh Trà Vinh (2015). *Quyết định số 855/QĐ-UBND, ngày 25/5/2015 thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU, ngày 26/11/2014 của Tỉnh ủy Trà Vinh về tăng cường công tác quản lý tổng hợp vùng ven biển tỉnh Trà Vinh*
5. Lê Quốc Bang (2017). *Kinh tế biển*, truy cập từ <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/tu-dien-mo/item/2492-kinh-te-bien.html>
6. Phước Minh Hiệp (2019). *Trà Vinh phát triển kinh tế biển trước thách thức biến đổi khí hậu*, truy cập từ <http://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/kinh-te/-/2018/815728/tra-vinh-phat-trien-kinh-te-bien-truoc-thach-thuc-bien-doi-khi-hau.aspx> truy cập ngày 02/6/2020